Phap Cu Pali-Anh-Viet - 13

Kinh Pháp Cú (Dhammapada, Anh–Việt)

Phap Cu Pali-Anh-Viet - 13

Vietnamese, with Unicode Times font

Thi kệ Pháp Cú - Dhammapada

Pali - Anh (Narada) - Việt (Tịnh Minh)

Phẩm XIII

LOKA VAGGA - THE WORLD - PHẨM THẾ GIAN

Hiina.m dhamma.m na seveyya pamaadena na sa.mvase

Do not serve mean ends,

Do not live in heedlessness.

Do not embrace false views.

Do not be a world-upholder. -- 167

167. Chớ theo đòi ti tiện.

Chớ nương thói buông lung.

Chớ vương víu tục trần.

Chớ ôm ấp tà vọng.

Utti.t.the nappamajjeyya dhamma.m sucarita.m care

Be not heedless in standing (at people's doors for alms).

Observe (this) practice scrupulously.

He who observes this practice lives

happily both in this world and in the next. -- 168

168. Tinh cần, chớ phóng dật.

Chánh hạnh, chớ buông lung.

Người chuyên tâm chánh hạnh,

Đời đời vui khôn cùng.

Dhamma.m

Scrupulously observe (this) practice.

Do not observe it unscrupulously.

He who observes this practice

lives happily both in this world and in the next. -- 169

169. Hãy sống đời chánh hạnh,

Chớ phóng dật buông lung,

Người chuyên tâm chánh hạnh,

Đời đời vui khôn cùng.

Yathaa bubbulaka.m passe yathaa passe mariicika.m

Just as one would look upon a bubble,

just as one would look upon a mirage

- if a person thus looks upon the world,

the King of Death sees him not. -- 170

170. Như bọt nước trôi sông.

Như huyễn hóa bềnh bồng.

Nếu nhìn đời như vậy,

Tử thần hết thấy ông.

Etha

Yattha baalaa visiidanti natthi sa'ngo vijaanata.m. -- 171

Come, behold this world

which is like unto an ornamented royal chariot,

wherein fools flounder,

but for the wise there is no attachment. -- 171

171. Hãy xem thế gian này,

Như xe vua lộng lẫy,

Kẻ ngu ngắm mê mải,

Người trí chả bận tâm.

Yo ca pubbe pamajjitvaa pacchaa so nappamajjati

Whoever was heedless

before and afterwards is not;

such a one illumines this world

like the moon freed from clouds. -- 172

172. Ai trước sống buông lung,

Sau tinh chuyên chánh hạnh,

Sẽ soi sáng nhân gian,

Như trăng lên mây tạnh.

Yassa

Whoever, by a good deed, covers the evil done,

such a one illumines this world

like the moon freed from clouds. -- 173

173. Ai xua tan ác nghiệp,

Bằng thiện ý, hạnh lành,

Sẽ soi sáng quần sanh,

Như trăng lên mây tạnh.

Andhabhuuto aya.m loko tanuk-ettha vipassati

Sakunto jaalamutto-va appo saggaaya gacchati. -- 174

Blind is this world.

Few are those who clearly see.

As birds escape from a net

few go to a blissful state. -- 174

174. Thiên hạ thật mù quáng,

Mấy ai sáng suốt nào,

Như chim thoát khỏi lưới,

Mấy con vút trời cao.

Ha.msaadiccapathe yanti aakaase yanti iddhiyaa

Niyyanti dhiiraa lokamhaa jetvaa maara.m savaahini.m. -- 175

Swans wing along on the path of the sun.

(Men) go through air by psychic powers,

The wise are led away from the world,

having conquered Maara and his host. -- 175

175. Như thiên nga giữa trời,

Thần thông bay khắp nơi,

Hàng phục ma quân hết,

Bậc trí siêu thoát đời.

Eka.m dhamma.m atiitassa musaavaadissa jantuno

There is no evil that cannot be done by the liar,

who has transgressed the one law (of truthfulness)

and who is indifferent to a world beyond. -- 176

176. Ai nói lời hư vọng,

Ai phá pháp nhất thừa,

Ai bát đời sau ấy,

Không ác nào không bừa!

Na ve kadariyaa devaloka.m vajanti

baalaa have nappasa.msanti daana.m

Dhiiro ca daana.m anumodamaano

Ten-eva so hoti sukhii parattha. -- 177

Verily misers go not to the celestial realms.

Fools do not indeed praise liberality.

The wise man rejoices in giving

and thereby become happy thereafter. -- 177

177. Kẻ ngu ghét hào phóng,

Người bần chẳng sanh thiên.

Bậc trí vui bố thí,

Đời sau hưởng phúc điền.

Pathavyaa ekarajjena saggassa gamanena vaa

Sabbalokaadhipaccena sotaapattiphala.m vara.m. -- 178

Better than absolute over the earth,

better than going to heaven,

better than even lordship over all the worlds

is the Fruit of a Stream-Winner. -- 178

178. Đắc quả Tu-đà-hoàn,

Hơn chính phúc nhân gian,

Hơn tái sanh thiên giới,

Hơn bá chủ trần gian.

TỪ VỰNG VÀ THÀNH NGỮ ANH-VIỆT

(a): adjective; (adv): adverb; (conj): conjunction;

(n): noun; (prep): preposition; (v): verb

Verse - Kệ 167

Mean (a) : Ti tiện, đê hèn.

End (n) : Mục đích.

Embrace (v) : Ôm chặt, ghì chặt.

Upholder (n) : Người ủng hộ, người duy trì.

Verse - Kệ 168

Alert (a) : Tỉnh táo, nhanh nhẹn.

Verse - Kệ 169

Corrupt (a) : Thối nát, phóng dật.

Verse - Kệ 170

Bubble (n) : Bong bóng, bọt nước.

Mirage (n) : Ảo vọng, huyển hóa.

View (v) : Nhìn xem, quan sát.

Verse - Kệ 171

Flounder (v) : Lúng túng, loạng choạng.

Verse - Kệ 172

Illumine (v) : Chiếu sáng, soi sáng.

Verse - Kệ 175

Swan (n) : Con thiên nga.

Psychic (a) : Tâm linh.

Psychic powers : Thần thông, năng lực tâm linh.

Host (n) : Chủ nhân, đám đông.

Verse - Kệ 176

Transgress(v) : Vi phạm, vượt quá.

One law : Pháp nhất thừa.

Indifferent (a) : Lãnh đạm, dửng dưng.

Verse - Kệ 177

Verily (adv) : Quả thật, đúng vậy.

Miser (n) : Kẻ hà tiện, người keo kiệt.

Celestial (a) : Thuộc thiên giới.

Praise (v) : Ca ngợi, tán dương.

Liberality (n) : Tính hào phóng.

Verse - Kệ 178

Sole (a) : Duy nhất, độc nhất.

Sovereignty (n) : Quyền tối cao.

Lordship (n) : Quyền chiếm hữu.

Stream-winner : Tu đà hoàn, Nhập lưu, người nhập dòng nước.

-ooOoo-

Đầu trang | Mục lục | 01 | 02
| 03 | 04 | 05
| 06 | 07 | 08
| 09 | 10 |
11 | 12 | 13 | 14
| 15 | 16 | 17
| | 18 | 19 | 20
| 21 | 22 | 23
| 24 | 25 | 26

Chân thành cám ơn Đại đức Giác Đồng đã gửi tặng phiên bản điện tử (Bình Anson, tháng 07-2001).

[Trở về trang Thư Mục]

updated: 01-08-2001

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.